

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA VIỄN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hoàng Giáp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến.

Ông Nguyễn Văn Tăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Hoàng Thị H, sinh năm 1984;

- Bị đơn: anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1981;

Đều cư trú tại: xóm MS 1, xã GL, huyện GV, tỉnh NB.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh K vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung K được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/11/2004 tại UBND xã GL, huyện GV, tỉnh NB. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi cọ và xô xát với nhau, gây mất đoàn kết trong gia đình ảnh hưởng tới tâm lý của hai vợ chồng và hai con; anh K còn thường xuyên chơi bời không quan tâm lo lắng cho gia đình và có những lời lẽ xúc phạm chị H; vợ chồng đã nhiều lần tìm cách để hoà giải hàn gắn nhưng không được. Hiện nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hoà giải hàn gắn được nên chị làm đơn đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Trung K có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Lê N, sinh ngày 28/4/2005 và cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 26/8/2006. Khi ly hôn chị H muốn nuôi cả hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không đề nghị anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt và thông báo hợp lệ văn bản tố tụng nhưng anh K đã không đến Tòa án làm việc.

Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại xóm Mai Sơn 1, xã GL; tại UBND xã GL; xác minh nơi cư trú tại công an xã GL; kết quả xác nhận: anh Nguyễn Trung K có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm MS 1, xã GL, huyện GV, tỉnh NB. Chị H và anh K có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2004 tại UBND xã GL, huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình. Hai vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình. Hai vợ chồng bất đồng trong cách làm ăn phát triển kinh tế, anh K lại không chịu tu chí làm ăn nên hai vợ chồng hay mâu thuẫn bất đồng. Khoảng hai năm nay chị H và anh K đã sống ly thân nhau hoàn toàn. Chị H và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Lê N, sinh năm 2005 và cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 2006. Bản thân chị H và anh K đều là lao động tự do nên không xác định được thu nhập cụ thể của chị H và anh K; mức thu nhập trung bình trên địa bàn xã năm 2022 là 53.200.000 đồng/năm tương ứng với 4.430.000 đồng/tháng.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trung K vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn trình bày ý kiến việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trung K; Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Hoàng Đ cho chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; cháu Nguyễn Thị Lê N đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết; anh K không phải đóng góp tiền nuôi con chung, không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; chị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Trung K có nơi cư trú tại: xã GL, huyện GV, tỉnh NB. Quá trình tố tụng, vụ việc được chuyển sang thủ tục hòa giải đối thoại tại Tòa án, tuy nhiên việc hòa giải, đối thoại đã chấm dứt theo khoản 3 Điều 40 Luật Hòa giải Đối thoại tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Nguyễn Trung K. Anh Nguyễn Trung K vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Chị Hoàng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Trung K vắng mặt không có lý do lần thứ 2 tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh K theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Trung K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã GL, huyện GV, tỉnh NB vào ngày 21/11/2004. Việc kết hôn của đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Trung K là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như trình bày của chị H tại Tòa án, xác định quá trình chung sống chị H và anh K hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình dẫn đến quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Thực tế chị H và anh K đã sống ly thân hoàn toàn trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Anh K mặc dù đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án, đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án làm việc, hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh K vẫn cố tình vắng mặt, không tham gia các buổi làm việc, hòa giải. Như vậy, chứng tỏ anh K không có thiện chí, không hợp tác để Tòa án hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Trung K đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị H.

[3]. Về con chung: Qua trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ xác định chị H và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Lê N, sinh ngày 28/4/2005 và cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 26/8/2006. Khi ly hôn chị H muốn được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không đề nghị anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tại thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Thị Lê N đã trên 18 tuổi (*18 tuổi, hai tháng 15 ngày*), theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“Điều 69. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ

.....

2. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

.....”

“Điều 70. Quyền và nghĩa vụ của con

.....

4. Con đã thành niên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình. ...”

Như vậy, pháp luật chỉ quy định sau ly hôn cha mẹ có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Đối với con đã thành niên (trên 18 tuổi) thì pháp luật không có quy định cha mẹ phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng hay cấp dưỡng sau khi ly hôn. Do đó, trong trường hợp này tòa chỉ giải quyết quyền nuôi con đối với cháu Nguyễn Hoàng Đ, vì cháu Nguyễn Thị Lê N đã trên 18 tuổi, đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết ai sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng đối với cháu Na.

Hiện nay, chị Hoàng Thị H là lao động tự do trên địa bàn xã GL với mức thu nhập trung bình là 4.430.000 đồng/tháng. Xét thấy bản thân chị H và anh K đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ đối với con của mình và anh chị đều là người có đủ điều kiện sức khỏe, có khả năng tạo ra thu nhập và các điều kiện khác để chăm con chung thật tốt. Tuy nhiên, xét thấy cháu Nguyễn Hoàng Đ có nguyện vọng ở với mẹ, lại ở trong độ tuổi có nhiều sự thay đổi về tâm sinh lý; chị H đảm bảo các điều kiện cho cháu học tập và phát triển. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, cần giao cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: chị H là người có đủ khả năng lao động và có thu nhập ổn định nên chị H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Trong yêu cầu khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị H giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho con; Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị H xác định tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết; anh K vắng mặt không có ý kiến gì vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 26/8/2006 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: anh Nguyễn Trung K không phải cấp dưỡng cho con.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị Hoàng Thị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0004126 ngày 17/02/2023.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS huyện Gia Viễn;
- UBND xã GL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lã Hoàng Giáp